|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TỔNG QUÁT**

*(Ban hành kèm theo quyết định số QĐ/ĐHKTQD, ngày tháng năm 2022)*

**1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***- Tên học phần (tiếng Việt):*** | **Lập trình .Net** |
| ***- Tên học phần (tiếng Anh)*** | **.Net Programming** |
| ***- Mã số học phần*** | **CNTT1130** |
| ***- Thuộc khối kiến thức*** | **Kiến thức chuyên sâu** |
| ***- Số tín chỉ*** | **3 tín chỉ** (45 giờ tín chỉ; 50 phút/giờ) |
| ***+ Số tiết lý thuyết*** | **10** |
| ***+ Số tiết thảo luận/thực hành***  ***+ Số tiết tự học*** | **35**  **90** |
| ***- Các học phần tiên quyết:*** | **CNTT1128; TIHT1101** |

**2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY**

Bộ môn quản lý: **Bộ môn Công nghệ thông tin**

Địa chỉ: Phòng **1310 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân**

Giảng viên:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ThS. Tống Thị Minh Ngọc | 0913002241 | ngoctm@neu.edu.vn |
| TS. Phạm Minh Hoàn | 0949263666 | hoanpm@neu.edu.vn |

**3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)**

Học phần giúp sinh viên hiểu và sử dụng thành thạo ngôn ngữ lập trình \*.Net. Biết rõ kỹ thuật lập trình với ADO.Net. Sinh viên thực hành bài tập trình trên nền tảng window form và làm việc với cơ sở dữ liệu, ứng dụng bài toán trong quản lý kinh tế, kỹ thuật. Sinh viên biết cách sử dụng các cấu trúc cơ bản của ngôn ngữ lập trình, làm việc với cơ sở dữ liệu và báo cáo. Có khả năng lập trình các bài toán quản lý trong kinh tế và tìm hiểu công nghệ cũng như bất kỳ một ngôn ngữ lập trình có tương tác với Cơ sở dữ liệu.

Học phần cũng nhằm rèn luyện kỹ năng tư duy, khả năng tự tìm hiểu các kiến thức về phương pháp lập trình Dot Net bằng cách làm việc độc lập cũng như theo nhóm. Người học có kỹ năng xây dựng một ứng dụng thực tế áp dụng với cơ sở dữ liệu phù hợp.

**4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)**

**Giáo trình:**

[1] Hương Lan (2005) Kỹ thuật lập trình ứng dụng C#.Net, Nhà xuất bản Lao Động Xã Hội.

[2].Phạm Hữu Khang, Phương Lan, Hoàng Đức Hải (2002). Kỹ thuật lập trình ứng dụng Visual Basic.Net, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội

**Tài liệu khác:**

[1] Phạm Đức Lập, Hướng dẫn lập trình Visual Basic.Net (file điện tử)

[2]. David McAmis (2004) Professional Crystal Reports® for Visual Studio®.NET

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)**

**Bảng 5.1. Mục tiêu học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mô tả**  **mục tiêu học phần** | **CĐR (PLO) của CTĐT** | **Mức độ** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** |
| G1 | Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về cách tiếp cận lập trình Dot Net, lập trình ứng dụng trên Windows. Xây dựng chương trình ứng dụng trong các bài toán quản lý, kinh tế. | PLO 1.4.2, PLO 1.4.4 | 4 |
| G2 | Học phần rèn kỹ năng và tư duy lập trình, các kỹ năng thực hành phân tích, thiết kế cơ sở dữ liệu. Xây dựng các chức năng cơ bản cập nhật thông tin, tìm kiếm, báo cáo thông kê dữ liệu của bài toán theo yêu cầu nghiệp vụ. | PLO 2.1.1, PLO 2.2.1 | 4U |
| G3 | Học phần góp phần phát triển khả năng tự làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, hiểu về trách nhiệm thực thi công việc và đạo đức nghề nghiệp. | PLO 3.1.1, PLO 3.1.2, PLO 3.2.3 | 3 |

**6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)**

**Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)**

| **Mục tiêu** | **CLOs** | **Mô tả CLOs\*** | **Mức độ đạt được\*\*** |
| --- | --- | --- | --- |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** |
| G1 | CLO1.1 | Hiểu phương pháp lập trình Dot Net, tìm hiểu các cấu trúc, các từ khóa, các toán tử. | 4 |
| CLO1.2 | Phân biệt được các đặc điểm của các điều khiển trong lập trình. | 4 |
| CLO1.3 | Áp dụng các điều khiển mở rộng có liên quan đến các kiểu cơ sở dữ liệu. | 4 |
| CLO1.4 | Vận dụng tư duy lập trình Dot Net để áp dụng bài toán cụ thể. | 4 |
| G2 | CLO2.1 | Có kỹ năng phân tích, thiết kế và xây dựng các chức năng áp dụng với từng loại bài toàn cụ thể. | 4 |
| CLO2.2 | Có kỹ năng và tư duy lập trình giải quyết các bài toán ứng dụng với hệ một quản trị cơ sở dữ liệu phù hợp yêu cầu đặt ra. | 4 |
| G3 | CLO3.1 | Có khả năng tự học tập, tự tìm hiểu tài liệu để hoàn thành các bài học và bài tập được giao. | 3 |
| CLO3.2 | Có ý thức tổ chức kỷ luật lớp học, tuân thủ các nội quy lớp học, có tinh thần hợp tác và trách nhiệm cá nhân đối với các hoạt động được giảng viên giao. | 3 |
| CLO3.3 | Có khả năng tự học tập, tự tìm hiểu tài liệu hoặc kết hợp thành nhóm học tập. | 3 |

**7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)**

**Bảng 7.1. Đánh giá học phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **CLOs** | **Tỷ lệ (%)** |
| **[1]** | **[4]** | **[6]** |
| Chuyên cần | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO1.4 | 10% |
| Đánh giá quá trình | CLO1.1,  CLO1.2,  CLO1.3,  CLO1.4, CLO2.1  CLO2.2 | 40% |
| CLO1.1,  CLO1.2,  CLO1.3,  CLO1.4,  CLO2.1,  CLO2.2  CLO3.1,  CLO3.2 |
| Đánh giá cuối kỳ | CLO1.1,  CLO1.2,  CLO1.3,  CLO1.4,  CLO2.1,  CLO2.2 | 50% |

**8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)**

**Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung giảng dạy\*** | **CLOs** | **Công cụ  đánh giá\*\*\*\*** |
| **[1]** | **[2]** | **[4]** | **[6]** |
| 1 | **Làm quen với phần mềm và cài đặt những công cụ hỗ trợ cho việc học, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT.** |  | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 1-3 | **CHƯƠNG I. TỔNG QUAN** Giới thiệu về môi trường Visual Basic.NetCác thành phần (điều khiển nội tại) trong Visual Basic.Net **1.3 Làm việc với Project** | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3 | - Câu hỏi  - Bài tập áp dụng |
| 4-5 | **CHƯƠNG II. NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH VB.NET** Làm việc với ClassLàm việc với các thủ tụcXử lý lỗi.Xử lý tập tin. | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3 | - Câu hỏi  - Bài tập áp dụng |
| 6-7 | **CHƯƠNG III. HỘP HỘI THOẠI VÀ CÁC ĐIỀU KHIỂN NÂNG CAO** MenuHộp thoạiCác điều khiển bổ sung, nâng cao | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO1.4 | - Câu hỏi  - Bài tập áp dụng |
| 8 | **Bài kiểm tra giữa kỳ (20%)** | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO1.4 | Đề kiểm tra tự luận/trắc nghiệm |
| 8 - 13 | **CHƯƠNG IV - KẾT NỐI TRUY XUẤT VỚI CƠ SỞ DỮ LIỆU** Các đối tượng làm việc với CSDL **4.2 Kết nối hệ quản trị CSDL** Làm việc với Report | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO1.4  CLO2.1  CLO2.2 | - Câu hỏi  - Bài tập áp dụng |
| 14-15 | **Trình bày tập nhóm (20%)** | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO1.4  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | Phiếu đánh giá các tiêu chí: (i) Nội dung  (ii) Hình thức  (iii) Thời gian trình bày  (iv) Mức độ hợp tác |
| - | **Bài thi cuối kỳ** | CLO1.1,  CLO1.2,  CLO1.3,  CLO1.4,  CLO2.1,  CLO2.2 | Theo yêu cầu bài thi |

**9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)**

**9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần**

* Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

**9.2. Quy định về tham dự lớp học**

* Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
* Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm chuyên cần, điểm kiểm tra.

**9.3. Quy định về hành vi lớp học**

* Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
* Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
* Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
* Tuyệt đối không được ăn uống sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
* Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Phạm Xuân Lâm** | **TRƯỞNG KHOA/VIỆN**  **TS. Nguyễn Trung Tuấn** | **HIỆU TRƯỞNG**  **PGS.TS. Phạm Hồng Chương** |